

Bản án số: 46/2019/DS-ST

Ngày 23 – 5 – 201

V/v tranh chấp hợp đồng hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2019/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2019/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 113/2019/QĐST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Hồng D, sinh năm 1974. Cư trú tại: Ấp T1, xã T2, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:*

1. Anh Trương Hữu T, sinh năm 1983. Cư trú tại: Ấp T1, xã T2, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Chị Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1989. Cư trú tại: Ấp T1, xã T2, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Hồng D thể hiện:* Anh Trương Hữu T và chị Huỳnh Thị Đ đã tham gia 01 phần trong dây hụi do mở vào ngày 16/02/2014 âm lịch, loại 2.000.000 đồng/tháng, gồm 35 phần, anh T, chị Đ đóng hụi sống được 02 lần thì đến lần thứ 3 hốt hụi 38.000.000 đồng (đã trừ tiền hoa hồng 1.200.000 đồng). Sau khi hốt hụi, anh T, chị Đ không đóng hụi chết và thiếu

lại 11 lần là 22.000.000 đồng, trả được 600.000 đồng và còn thiếu 21.400.000 đồng nên bà D yêu cầu anh T, chị Đ trả tiếp số ở trên.

** Đối với anh Trương Hữu T và chị Huỳnh Thị Đ:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng các đương sự này không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Hồng D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Trương Hữu T và chị Huỳnh Thị Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa Đ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là đúng quy định pháp luật.

[2] Xét trình bày và các tài liệu của bà D cung cấp thấy rằng:

Theo danh sách hui ngày 16/02/2014 âm lịch thể hiện vợ anh T tham gia 01 phần trong dây hui loại 2.000.000 đồng/tháng, gồm 35 phần do bà D làm đầu thảo. Theo bà D, anh T, chị Đ đóng được 02 lần thì hết hui phần hui này, sau đó đã đóng hui chết và còn thiếu lại Đ thời điểm mãn hui là 22.000.000 đồng. Anh T, chị Đ trả được 600.000 đồng và thiếu lại 21.400.000 đồng. Lời trình bày của bà D phù hợp với biên nhận do chị Đ ghi vào ngày 08/11/2016 âm lịch thể hiện nội dung “*vợ T có thiếu vợ 3 Long 21.400.000 đồng*”.

Trong khi đó, anh T, chị Đ không có ý kiến phản đối với yêu cầu của bà D nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, có căn cứ xác định anh T, chị Đ có tham gia dây hui này của bà D và còn thiếu số tiền trên nên yêu cầu của bà D là phù hợp, được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh T, chị Đ phải chịu là: 21.400.000 đồng x 5% = 1.070.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hui, họ, biểu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng D. Buộc anh Trương Hữu T và chị Huỳnh Thị Đ trả cho bà D số tiền hui là 21.400.000 đồng (hai mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà D cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, thì hàng tháng anh T, chị Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh T và chị Đ phải chịu là 1.070.000 đồng (một triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng) (chưa nộp).

- Bà D không phải chịu. Hoàn trả lại cho bà D số tiền 535.000 đồng (năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009234 ngày 28/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn